

# TÌNH HÌNH HỌC SINH BỎ HỌC Ở TỈNH TRÀ VINH

• TS. NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN VÀ NHÓM KHẢO SÁT (\*)  
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

## I. Vài nét về điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội của tỉnh Trà Vinh

Trà Vinh là một tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích tự nhiên là 2.215,15km<sup>2</sup>, dân số: 1.015.800 người (số liệu năm 2004), mật độ dân số: 458,6 người/km<sup>2</sup> với hai dân tộc chủ yếu là Kinh và Khơ-me. Kinh tế ở đây phần lớn dựa vào chăn nuôi, trồng trọt, hàng năm đất bị ngập mặn từ 3 đến 5 tháng. Do đất đai không rộng, dân số đông, sản xuất phụ thuộc vào thiên nhiên là chính nên đời sống người dân gặp rất nhiều khó khăn. Cả tỉnh hiện có hơn 25% hộ nghèo.

Về giáo dục (GD), Trà Vinh chỉ có hệ công lập (bao gồm hệ thống GD phổ thông và bổ túc văn hóa), không có các trường dân lập và tư thục. Học sinh (HS) học hết mỗi cấp đều được tuyển thẳng vào cấp học sau, không phải qua thi tuyển.

## II. Về tình hình học sinh bỏ học ở Trà Vinh

### 1. Thực trạng HS bỏ học ở Trà Vinh

Việc tìm hiểu về thực trạng HS bỏ học tập trung vào hai cấp Tiểu học và Trung học cơ sở (THCS). Kết quả khảo sát cho thấy, từ năm 2004 đến nay, số HS bỏ học ở tiểu học và THCS có chiều hướng gia tăng, tuy nhiên sự gia tăng trong từng năm không quá chênh lệch. Tỷ lệ HS bỏ học THCS cao nhất là năm học 2006-2007 (9,43%), nhưng đã có chiều hướng giảm trong năm học 2007-2008 (5,6%). Tỷ lệ HS bỏ học ở tiểu học ít hơn so với cấp THCS (1,97% ở năm học 2006-2007) và trong năm học 2007-2008 có giảm đi đáng kể so với một số năm học trước.

Sau đây là thực trạng về HS bỏ học ở 3 huyện được khảo sát: huyện Duyên Hải, Trà Cú và Cầu Ngang.

1.1. Thực trạng HS bỏ học ở huyện Duyên Hải  
Huyện Duyên Hải nằm ở phía Nam của tỉnh Trà Vinh. Huyện gồm 18.756 hộ với 90.487 nhân khẩu, trong đó, dân tộc Khơ-me có 3.057 hộ với 14.659 nhân khẩu, chiếm tỉ lệ 16,4% số hộ trong toàn huyện. Mật độ dân cư trung bình trong huyện là 217 người/km<sup>2</sup>. Nhìn chung, mức thu nhập của người dân còn thấp, đời sống gặp rất nhiều khó khăn. Toàn huyện có 38 trường, gồm 24 trường Tiểu học, 09 trường THCS, 02 trường THPT, 02 trường Mẫu giáo và 01 trường Mầm non.

Dưới đây là bảng thống kê HS bỏ học cấp Tiểu học và THCS của huyện Duyên Hải:

Năm học	Cấp học	Tổng số HS nhập học	Số HS bỏ học	Tỉ lệ (%)
2004-2005	Tiểu học	9569	141	1,47
	THCS	6287	408	6,48
2005-2006	Tiểu học	8421	99	1,17
	THCS	6376	597	9,36
2006-2007	Tiểu học	8401	159	1,89
	THCS	6042	576	9,53
2007-2008	Tiểu học	8510	46	0,54
	THCS	5499	448	8,87

Nguồn: Số liệu thống kê về HS bỏ học do phòng GD Duyên Hải cung cấp

Như vậy, từ năm 2004 đến nay, tổng số HS bỏ học cấp Tiểu học và THCS của toàn huyện Duyên Hải là:

(\*) Nhóm khảo sát gồm: Nguyễn Thị Hồng Vân (Nhóm trưởng), Dương Quang Ngọc, Hoàng Minh Anh, Nguyễn Kim Chi, Lê Tuấn Đức, Vương Phương Hạnh.

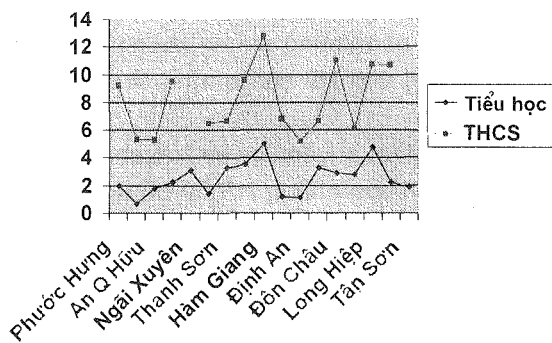
Cấp học	Tổng số HS nhập học	Số HS bỏ học	Tỉ lệ (%)
Tiểu học	34.901	445	1,27
THCS	24.204	2.029	8,38

Kết quả khảo sát ở huyện Duyên Hải cho thấy, ở cả 2 cấp học, HS nam bỏ học nhiều hơn HS nữ nhưng sự chênh lệch không quá lớn, nguyên nhân có thể là do khi đến tuổi lao động, các em nam thường nghỉ học theo bạn đi làm xa. HS bỏ học người dân tộc Khơ-me chiếm khoảng 1/2 tổng số HS bỏ học. Đa số HS bỏ học rơi vào các gia đình có thu nhập thấp, những năm gần đây có cả những HS ở gia đình có mức thu nhập trung bình, cá biệt có những HS ở gia đình có mức thu nhập khá cao nhưng vẫn bỏ học.

1.2. Thực trạng HS bỏ học ở huyện Trà Cú

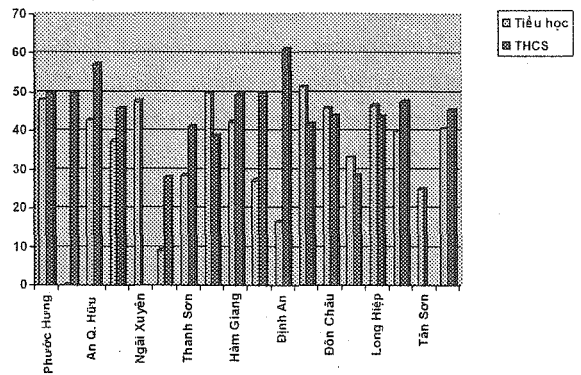
Ở Trà Cú, 16/17 xã, thị trấn được công nhận là vùng khó khăn, trong đó có 8 xã thuộc chương trình 135. Năm học 2006-2007, toàn huyện có 3 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, 16/17 xã, thị trấn được kiểm tra, công nhận hoàn thành phổ cập GD tiểu học đúng độ tuổi và THCS. Trong dịp hè, toàn huyện đã huy động được 51<sup>1</sup> HS học chương trình tiểu học 100 tuần, tổ chức 32 lớp học chương trình bổ túc THCS với 949 HS theo học. Năm học 2007-2008, có 97 lớp cấp tiểu học dạy 2 buổi/ngày và 30 trường dạy ngữ văn Khơ-me với 4.657 HS theo học.

Biểu đồ 1: Tỉ lệ HS bỏ học cấp tiểu học và THCS năm học 2007-2008 (tính đến 29/4/2008)



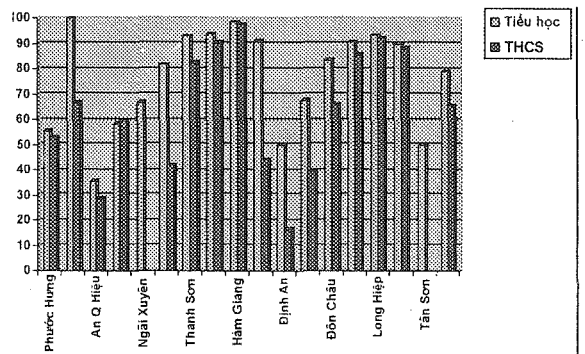
Nguồn: Theo Bảng thống kê tình hình HS bỏ học do phòng GD Trà Cú cung cấp

Biểu đồ 2: Tỉ lệ HS nữ bỏ học so với tổng số HS bỏ học của từng trường tiểu học, THCS trong huyện năm 2007-2008



Nguồn: Theo Bảng thống kê tình hình HS bỏ học do phòng GD Trà Cú cung cấp

Biểu đồ 3: Tỉ lệ HS người dân tộc bỏ học so với tổng số HS bỏ học của từng trường tiểu học và THCS trong huyện năm 2007-2008



Nguồn: Theo Bảng thống kê tình hình HS bỏ học do phòng GD Trà Cú cung cấp

Kết quả khảo sát cho thấy, tỉ lệ HS bỏ học ở tiểu học thấp hơn nhiều so với HS THCS (2,6% ở tiểu học và 8.03% ở THCS). Tỉ lệ bỏ học ở HS tiểu học cũng ít biến động hơn so với HS THCS. Một điều đáng chú ý là những xã có HS tiểu học bỏ học nhiều thì cũng có nhiều HS THCS bỏ học (Biểu đồ 1). Tỉ lệ HS nữ bỏ học chỉ chiếm chưa đến 50% tổng số HS bỏ học. Tuy nhiên, nếu so sánh giữa 2 cấp học thì HS nữ ở cấp THCS lại bỏ học nhiều hơn so với cấp tiểu học, lí do có thể là các em HS nữ ở độ tuổi THCS phải phụ giúp gia đình nhiều hơn (Biểu đồ 2). Tỉ lệ HS dân tộc bỏ học chiếm tỉ lệ cao, 65,6% ở cấp THCS và 79,1% ở cấp Tiểu học (Biểu đồ 3).



**1.3. Thực trạng HS bỏ học ở huyện Cầu Ngang**

Trung tâm huyện Cầu Ngang cách thị xã Trà Vinh khoảng 20 km. Dân số trong huyện chủ yếu là người dân tộc Kinh và Khơ-me, sống bằng nghề trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất phụ thuộc vào thiên nhiên là chính nên cuộc sống bấp bênh. Huyện có nhiều xã đặc biệt khó khăn, nằm trong chương trình 135, 134. Nhiều gia đình, đặc biệt là đồng bào Khơ-me không có đất để sản xuất, thậm chí không có đất để ở, phải cất nhà nhờ trên đất của người khác, và thường xuyên phải đi làm ăn xa. Huyện gồm 10 xã, mỗi xã có từ 1 đến 2 trường THCS; cấp tiểu học có các điểm trường đến từng ấp.

Số liệu thống kê về HS bỏ học cấp tiểu học và THCS của huyện Cầu Ngang:

**a) Cấp tiểu học**

Năm học	Tổng số HS đầu năm học			HS bỏ học		
	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Tổng số	Nữ	Dân tộc
2004 - 2005	11173	5324	4540	128	67	102
2005 - 2006	10573	5231	4196	130	52	99
2006 - 2007	10604	5186	4114	149	52	99
2007 - 2008	10210	5012	3792	157	65	117

**b) Cấp THCS**

Năm học	Tổng số HS đầu năm học			HS bỏ học		
	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Tổng số	Nữ	Dân tộc
2004 - 2005	9951	4469	3561	749	289	297
2005 - 2006	9247	4110	3182	755	398	393
2006 - 2007	7760	3617	2684	719	369	463
2007 - 2008	6910	3397	2331	503	236	263

Nguồn: Số liệu thống kê do phòng GD Cầu Ngang cung cấp

Các số liệu cho thấy, tính từ năm 2004 đến nay, số HS bỏ học có chiều hướng gia tăng ở tất cả các cấp. Tỷ lệ HS bỏ học cấp THCS cao nhất là trong năm học 2006-2007, tuy nhiên tỷ lệ này đến năm học 2007-2008 có chiều hướng giảm (mặc dù mới tính đến thời điểm 10/4/08). Tỷ lệ HS bỏ học ở tiểu học ít hơn nhiều so với cấp THCS. HS bỏ học người dân tộc chiếm khoảng 1/2 tổng

số HS bỏ học.

**2. Nguyên nhân bỏ học của HS**

**2.1. Đời sống kinh tế khó khăn**

Qua khảo sát tại các huyện, có thể thấy, phần lớn HS nghỉ học là do đời sống kinh tế của địa phương, của gia đình quá khó khăn. HS THCS bỏ học nhiều hơn vì ở độ tuổi này các em đã có khả năng lao động, đi làm mướn hoặc phụ giúp việc nhà, nên nhiều gia đình không những không thúc ép con em đến trường mà còn đồng tình với việc cho các em ở nhà phụ giúp thêm.

Ở Trà Vinh có kiểu nghỉ học theo mùa: HS bỏ học theo cha mẹ hoặc bạn bè đi làm thuê xa nhà khoảng 3, 4 tháng, khi hết mùa lại trở về nhà, được nhà trường vận động lại đến trường, hết năm học hoặc sau khi học hè nếu các em có đủ khả năng thì lên lớp, nếu không theo học

được thì lưu ban. Vì vậy, HS bỏ học nhiều nhất là sau Tết Nguyên Đán và Tết của người Khơ-me, đó là thời điểm các gia đình sau kì nghỉ lại đi làm ăn xa.

Trong số những HS bỏ học vì nghèo có HS học lực trung bình, khá, thậm chí học giỏi. Bản thân các em và gia đình không muốn nghỉ học nhưng vì mưu kế sinh nhai mà buộc phải rời địa phương.

**2.2. Nhận thức của gia đình và HS về việc học chưa đầy đủ và đúng đắn**

Nhiều phụ huynh chưa ý thức được tầm quan trọng của

việc học tập nên không những không ngăn cản mà còn đồng tình khi con em họ có ý định bỏ học.

Khảo sát tại huyện Duyên Hải cho thấy, đa số phụ huynh của những HS đã bỏ học đều có trình độ văn hoá thấp. Trong số 12 phụ huynh được phỏng vấn có 2 người học hết lớp 8, còn lại đều học hết lớp 2 hoặc lớp 3, thậm chí không biết chữ. Đây là một vấn đề hết sức đáng lo ngại bởi trình độ nhận thức của phụ huynh sẽ ảnh hưởng đến việc động viên con cái học hành. Bên

cạnh đó, một thực tế có tác động không nhỏ đến các em, đó là một số anh chị chúng học đến lớp 12, thậm chí tốt nghiệp đại học, cao đẳng mà vẫn không có việc làm, trong khi bạn bè chúng đi làm thuê lại có tiền tiêu sài, vì vậy, phụ huynh và các em HS nảy sinh tư tưởng chỉ lo trước mắt, không tính đến tương lai lâu dài.

### 2.3. Năng lực học tập yếu

Khi được hỏi, một số HS bỏ học nói rằng các em tiếp thu một số môn học rất khó khăn mặc dù thầy cô giảng dạy nhiệt tình. Đối với những HS người Khơ-me, do khả năng nói tiếng Việt kém nên việc tiếp thu kiến thức càng khó khăn hơn. Một số HS đi học thất thường, theo cha mẹ đi làm xa khi trở về đi học tiếp thường không theo kịp các bạn, hổng kiến thức, lớn tuổi hơn nên mặc cảm. Do phải phụ giúp gia đình, HS không có thời gian ôn tập ở nhà nên học hành sút kém. Từ chỗ không hiểu bài, học lực yếu, các em cảm thấy chán học, tự ti khi đến lớp, dần dần dẫn đến bỏ học.

### 2.4. Chương trình và SGK chưa phù hợp với một số đối tượng

Khi được hỏi, một số GV và HS cho biết một số nội dung trong chương trình và SGK chưa phù hợp với đối tượng HS dân tộc, chưa có tính thực tiễn; một số bài còn dài (như Ngữ văn, GD công dân, Lịch sử...). Bên cạnh đó, một bộ phận GV chưa nhận thức và hiểu rõ về việc đổi mới chương trình, SGK nên chưa chuyển tải được hết những yêu cầu của chương trình và SGK cho HS, chưa chủ động trong việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học. Giá SGK cũng là vấn đề khó khăn đối với nhiều phụ huynh HS.

### 2.5. Một số nguyên nhân khác

Ngoài các nguyên nhân nêu trên, còn một số nguyên nhân khác khiến HS bỏ học, như: hoàn cảnh gia đình éo le (cha mẹ li hôn, mẹ đi nơi khác lấy chồng, con đi theo trông em; cha mẹ mất, đến nơi khác ở với bà con cô bác...); bệnh tật; nhà xa, HS nam người Khơ-me đi tu chùa, do tác động của những người xung quanh...

## 3. Các giải pháp đã thực hiện

### 3.1. Các giải pháp

#### 3.1.1. Về phía Sở GD&ĐT và UBND Tỉnh

Trước tình trạng HS bỏ học, Tỉnh và Sở GD-ĐT đã triệu tập 1 hội nghị để rà soát số lượng, tìm ra nguyên nhân, giải pháp khắc phục.

Tỉnh ủy đã có công văn số 188/CV-TU ngày 2 tháng 4 năm 2008 *Về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục tình trạng HS bỏ học giữa chừng* gửi UBND tỉnh, các huyện ủy, thị ủy, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các tỉnh ủy viên, trong đó phân tích những nguyên nhân dẫn đến tình trạng HS bỏ học. Công văn yêu cầu các cấp ủy Đảng, UBND các cấp tập trung chỉ đạo tốt một số nội dung cơ bản như: rà soát cụ thể tình hình HS bỏ học đối với các cấp ở địa phương; tìm hiểu kỹ các nguyên nhân và kịp thời có những giải pháp phù hợp để khắc phục; chỉ đạo các ngành tăng cường các biện pháp GD, thuyết phục, động viên, kết hợp biện pháp hành chính và hỗ trợ về kinh tế; Huy động sự tham gia của các cấp, các ngành trong ngoài tỉnh và toàn xã hội...

#### 3.1.2. Về phía Phòng GD và Lãnh đạo các huyện

Huyện ủy, UBND huyện, Phòng GD chỉ đạo tới các xã, trường phối hợp rà soát, nắm bắt cụ thể hoàn cảnh từng đối tượng HS để vận động, thuyết phục và hỗ trợ vật chất. Đồng thời tuyên truyền cho người dân thấy lợi ích của việc con cái họ được học hành và tác hại của việc bỏ học. Các ban ngành, đoàn thể, chính quyền và nhân dân địa phương tạo điều kiện giúp đỡ và phối hợp với nhà trường, GV chủ nhiệm... trong việc vận động HS bỏ học đi học lại. Chủ trương chính là không ai đứng ngoài cuộc vận động này.

#### 3.1.3. Về phía nhà trường và chính quyền địa phương

Khi các em có dấu hiệu bỏ học (nghỉ học 2, 3 ngày không lí do), giáo viên (GV) và chính quyền địa phương đã đến tận nhà thăm hỏi, vận động (ít nhất là 3 lần), chỉ khi nào cả gia đình và các em kiên quyết không đi học và kí vào biên bản xác nhận thì HS đó mới được coi là bỏ học.

Nhà trường đã có các biện pháp giúp đỡ kịp thời để HS bớt khó khăn: cho xe đạp, quần áo, sách vở, gạo... Các trường đều có kế hoạch và



tăng cường phụ đạo hoàn toàn tự nguyện cho HS kém.

Nhà trường và chính quyền địa phương đã tiến hành vận động các tổ chức, các nhà hảo tâm quyên góp, giúp đỡ: trao các giải thưởng “đèn đom đóm”; cho HS mượn SGK, vở, bút...; có chính sách miễn giảm học phí, bỏ quy định về kinh phí đóng góp xây dựng trường, đóng bảo hiểm theo hình thức trả góp,... cho những gia đình nghèo.

**3.2. Kết quả của các giải pháp**

Nhờ có các giải pháp nêu trên, số HS bỏ học có chiều hướng giảm trong năm học này. Sự quan tâm của nhà trường đã khiến phụ huynh cảm động và ít nhiều chuyển biến về nhận thức. Một số HS sau khi được thầy cô và gia đình động viên đã quay trở lại học và quyết tâm học tốt.

Việc phụ đạo HS yếu kém đã có 1 số kết quả nhất định. Nhiều trường đã không tổ chức các lớp phổ cập mà thay vào đó là nhiều hình thức phụ đạo để nâng dần chất lượng. Các trường cũng đã hạn chế được những trường hợp bỏ học do chán học, lười học, ngồi nhầm lớp.

Tuy nhiên, những giải pháp nêu trên cũng mới chỉ là nhất thời, do ngành GD tự cố gắng, trên thực tế, con số HS bỏ học vẫn gia tăng. Bên cạnh đó, nhiều sinh viên sư phạm ra trường không xin được việc làm do biên chế của các trường đã đủ dẫn đến một thực trạng đáng buồn ở một số nơi là “thừa thầy, thiếu trò”.

**III. Một số đề xuất, kiến nghị**

Thực trạng bỏ học của HS cho thấy nếu chỉ từ phía ngành GD thì không thể giải quyết triệt để vấn đề này mà cần phải có sự phối hợp liên ngành. Chúng tôi xin nêu một số đề xuất như sau:

- Về phía Bộ và Sở GD&ĐT:

+ Xây dựng chương trình học tập phù hợp hơn với vùng miền (chẳng hạn, chương trình Tiểu học 6 năm, với các nội dung học tập thiết thực, lí thú; giảm tải chương trình ở một số bài và một số phần. Ngoài chương trình như hiện nay, có thể có chương trình phù hợp với trình độ HS các vùng khó khăn...).

+ Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường; xây dựng môi trường học tập thân thiện, kích thích niềm say mê, hứng thú của HS khi đến lớp.

+ Có chính sách miễn giảm học phí cho HS THCS, cho những gia đình khó khăn

+ Giảm thiểu tiền mua SGK hoặc cho HS mua SGK giá rẻ.

+ Phân luồng bằng các hình thức học nghề, học có địa chỉ đầu ra, giải quyết việc làm cho HS tốt nghiệp THCS, THPT và cả với những SV đã ra trường...

+ Có chính sách động viên về tinh thần và vật chất đối với sự cố gắng của GV vùng khó.

+ Mạnh dạn cho những HS không đủ học lực và ý thức kỉ luật kém ở lại lớp để rèn luyện. Đồng thời, có các giải pháp nâng chất lượng đội ngũ GV để từng bước nâng cao chất lượng dạy và học.

- Về phía Lãnh đạo chính quyền các cấp:

+ Đầu tư phát triển kinh tế xã hội ở địa phương để nâng cao đời sống nhân dân; đồng thời có các biện pháp tuyên truyền tích cực để nâng cao nhận thức của người dân về việc học hành của con em mình.

+ Kiểm soát chặt chẽ các cơ sở sản xuất, kinh doanh để không nhận trẻ vị thành niên vào làm việc, nhằm hạn chế việc các em phải bỏ học giữa chừng để đi làm.

+ Kiểm soát việc đi lại của nhân dân địa phương, không để tình trạng di dân tự do, ảnh hưởng đến sự ổn định của địa bàn.

+ Phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường để quản lí số nhân khẩu ở địa phương, vận động kịp thời HS tới lớp để giảm bớt gánh nặng cho nhà trường; quan tâm hơn nữa đến nhà trường và đội ngũ GV.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Báo cáo tình hình HS bỏ học của huyện Duyên Hải năm học 2007-2008.
2. Báo cáo tình hình HS bỏ học của huyện Trà Cú năm học 2007-2008.
3. Báo cáo tình hình HS bỏ học của huyện Cầu Ngang năm học 2007-2008.

**SUMMARY**

*The article deals with school drop-outs in Tra Vinh Province. In her article she writes about the socio-economic conditions of Tra Vinh, the status quo, causes of premature school leaving and some solutions to the problem in Tra Vinh Province.*